

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KỲ I (NH 2025-2026)

KHỐI LỚP 10

I. NỘI DUNG KIỂM TRA

Bài 1. Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.

Bài 2. Tri thức lịch sử và cuộc sống.

Bài 3. Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên và phát triển du lịch.

Bài 4. Khái niệm văn minh. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại.

Bài 5. Một số nền văn minh phương Tây thời cổ - trung đại.

Bài 6. Cách mạng công nghiệp thời cận đại.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

Trắc nghiệm: 20 câu (50 %- 5.0 điểm)

Trắc nghiệm (Đúng-Sai) : 2 câu (20%- 2.0 điểm)

Tự luận: 1 đến 2 câu (30%- 3.0 điểm)

III. THỜI GIAN: 45 phút

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHỦ ĐỀ 1. LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC

Bài 1. HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ LỊCH SỬ ĐƯỢC CON NGƯỜI NHẬN THỨC

TIẾT 1,2

.....

1. Lịch sử, hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức:

a. Lịch sử:

- Khái niệm lịch sử có thể hiểu theo 3 nghĩa chính:
- Thứ nhất, lịch sử là tất cả những gì đã diễn ra trong quá khứ của xã hội loài người.
- Thứ hai, lịch sử là những nhận thức, hiểu biết của con người về quá khứ thông qua tác phẩm ghi chép về quá khứ.
- Thứ ba, lịch sử là một khoa học (còn gọi là Sử học) nghiên cứu về quá khứ của con người. Khoa học lịch sử nghiên cứu các sự kiện, hiện tượng đã diễn ra trong xã hội loài người và phát hiện ra quy luật phát sinh, phát triển và suy vong của nó.

b. Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức:

- **Hiện thực lịch sử:** Là toàn bộ những gì đã diễn ra trong quá khứ, tồn tại 1 cách khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người.
- **Lịch sử được con người nhận thức:** Là toàn bộ những tri thức, hiểu biết, những suy nghĩ và hình dung của con người về quá khứ (nhận thức về sự kiện, hiện tượng đã xảy ra).
- Hiện thực lịch sử có trước, lịch sử được con người nhận thức có sau. Hiện thực lịch sử là duy nhất và không thể thay đổi, nhưng lịch sử được con người nhận thức lại rất đa dạng và có thể thay đổi theo thời gian. Hiện thực lịch sử luôn khách quan, còn lịch sử được con người nhận thức vừa khách quan vừa chủ quan.
- Lịch sử được con người nhận thức có sự khác nhau là do mục đích nghiên cứu, nguồn sử liệu, quan điểm tiếp cận, phương pháp nghiên cứu,...

2. Đối tượng nghiên cứu của Sử học:

- **Khái niệm của Sử học**

Sử học là khoa học nghiên cứu về quá khứ loài người.

- **Đối tượng nghiên cứu của Sử học:** rất đa dạng và mang tính toàn diện, gồm toàn bộ những hoạt động của con người trong quá khứ, diễn ra trên mọi lĩnh vực.

3. Chức năng và nhiệm vụ của Sử học:

- **Chức năng của Sử học:**

- + Khôi phục hiện thực lịch sử chính xác, khách quan. (Chức năng khoa học)
- + Cung cấp những tri thức khoa học về lịch sử và giáo dục, nêu gương. (Chức năng xã hội)

- Nhiệm vụ của Sử học

- + Trang bị tri thức khoa học
- + Giáo dục, nêu gương.

BÀI 2. TRI THỨC LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG
TIẾT 3

.....

1. Sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời:

Cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời vì :

- Tri thức lịch sử là những hiểu biết của con người về các lĩnh vực liên quan đến lịch sử , thông qua quá trình học tập, nghiên cứu và trải nghiệm.

- Tri thức lịch sử rất rộng lớn và đa dạng. Những kiến thức lịch sử học được ở nhà trường chỉ là một phần nhỏ.

→ Muốn hiểu đầy đủ và đúng đắn cần có một quá trình lâu dài.

- Tri thức về lịch sử phát triển và biến đổi không ngừng, gắn liền với sự xuất hiện của các nguồn sử liệu, quan điểm, nhận thức , lĩnh vực nghiên cứu mới.

→ Nhận thức về sự kiện, hiện tượng lịch sử của con người ngày hôm nay sẽ thay đổi cho tương lai.

- Giúp mỗi người mở rộng và cập nhật vốn kiến thức; hoàn thiện và phát triển kỹ năng; tạo ra những cơ hội mới trong cuộc sống và nghề nghiệp.

2. Thu thập, xử lí thông tin và sử liệu để làm giàu tri thức lịch sử

Cách thức thu thập và xử lí thông tin sử liệu trong quá trình học tập, khám phá lịch sử :

- Bước 1 : Lập thư mục và danh mục các nguồn sử liệu cần thu thập, để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu tìm hiểu lịch sử.
- Bước 2: Suu tầm , đọc và ghi chép thông tin sử liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu.
- Bước 3: Chọn lọc, phân loại sử liệu để thuận lợi cho việc xác minh và đánh giá.
- Bước 4: Xác định, đánh giá về nguồn gốc sử liệu , thời điểm ra đời , nội dung sử liệu phản ánh.

3. Kết nối kiến thức, bài học lịch sử vào cuộc sống

- Kiến thức lịch sử giúp con người giải thích, hiểu rõ hơn những vấn đề trong nước và thời sự quốc tế , những vấn đề liên quan đến cuộc sống.
- Kiến thức lịch sử có giá trị lớn đối với mỗi cá nhân và xã hội , có mối quan hệ chặt chẽ của nhiều lĩnh vực trong cuộc sống như chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục , môi trường.

BÀI 3. SỬ HỌC VỚI CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ , DI SẢN THIÊN NHIÊN VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Tiết 5,6

.....

1. Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên

a. Mối quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên

- Các loại hình di sản văn hoá (vật thể, phi vật thể, hỗn hợp...)

là nguồn sử liệu quan trọng đối với việc nghiên cứu lịch sử , là cơ sở để Sử học miêu tả , trình bày quá khứ một cách chính xác và toàn diện.

- Sử học góp phần xác định đúng giá trị của di sản và cung cấp những thông tin đáng tin cậy của di sản , làm cơ sở cho việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

- Sử học góp phần quảng bá hình ảnh di sản , gắn công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản với phát triển kinh tế, văn hoá và du lịch.

→ Chính vì vậy, việc phát huy và bảo tồn giá trị di sản đóng vai trò quan trọng đặc biệt đối với sự tồn tại và phát triển của khoa học lịch sử.

b. Vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá , di sản thiên nhiên:

- Bảo tồn di sản là việc giữ gìn nguyên dạng giá trị gốc của di sản hoặc giữ gìn sự tồn tại của di sản theo dạng thức vốn có . Phát huy giá trị di sản là sự kế thừa, phát triển và sử dụng hiệu quả những giá trị của di sản trong đời sống hiện tại và tương lai.

- Trải qua thời gian và sự khắc nghiệt của thời tiết :

+ Di sản văn hoá vật thể có thể bị biến dạng , bị xuống cấp và hư hỏng .

+ Di sản văn hoá phi vật thể cũng đối mặt với nhiều thử thách và nguy cơ bị mai một.

- Nhờ công tác bảo tồn (thông qua các biện pháp như sưu tầm ,lưu trữ , truyền nghề, tổ chức lễ hội ...), các di sản sẽ được giữ gìn và lưu truyền cho các thế hệ mai sau.

+ Đối với di sản thiên nhiên , công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản sẽ góp phần phát triển sinh học , làm tăng giá trị khoa học của di sản.

- Công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá , di sản thiên nhiên có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc duy trì kỷ ức và bản sắc cộng đồng , giáo dục thế hệ trẻ , đồng thời thúc đẩy kinh tế- xã hội phát triển bền vững.

2. Sử học với sự phát triển du lịch :

a. Vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch

- Lĩnh vực du lịch –ngành “công nghiệp không khói”, gắn liền với yếu tố lịch sử và văn hoá . Các di tích lịch sử-văn hoá là một nguồn tài nguyên quan trọng để khai thác và phát triển du lịch.

- Tham quan , tìm hiểu về lịch sử-văn hoá là một trong những nhu cầu lớn của khách du lịch. Du lịch văn hoá là loại hình du lịch phổ biến , giữ vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch ở nhiều nước , trong đó có Việt Nam.

b. Tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử và văn hóa

- Du lịch góp phần quảng bá rộng rãi giá trị các di sản lịch sử-văn hoá của địa phương và cộng đồng ra bên ngoài.

- Du lịch góp phần bồi dưỡng lòng tự hào, ý thức trách nhiệm, sự quan tâm ,bảo vệ của cộng đồng và các cấp chính quyền đối với các di tích lịch sử-văn hoá.

- Du lịch góp phần tạo ra nguồn kinh phí và các nguồn lực khác để hỗ trợ công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử-văn hoá.

BÀI 4. KHÁI NIỆM VĂN MINH. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG THỜI CỔ-TRUNG ĐẠI

TIẾT 7, 8, 9

.....

1. Khái niệm văn minh

- Văn minh có mối quan hệ chặt chẽ với văn hoá .

- Văn hoá là tổng thể những giá trị về vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử.

- Văn minh là những thành tựu cùng trạng thái tiến bộ về cả vật chất và tinh thần của xã hội loài người , là sự phát triển cao của nền văn hoá.

- Văn minh còn có nghĩa là thoát khỏi xã hội nguyên thủy , trái với văn minh là trạng thái “dã man”.

- Loài người bước vào văn minh khi xuất hiện Nhà nước và chữ viết.

	VĂN HOÁ	VĂN MINH
Giống nhau	Đều là những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong tiến trình lịch sử.	
Khác nhau	Toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra từ khi xuất hiện cho đến nay.	Toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra trong giai đoạn phát triển cao của xã hội.

2. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ-trung đại:

a. Thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập thời cổ đại:

- Về chữ viết:

- + Cư dân viết chữ tượng hình mô phỏng vật thật để nói lên ý nghĩ của mình.
- + Viết chữ trên giấy Pa-pi-rút hoặc khắc trên đá.

- **Về toán học:** cư dân nghĩ ra phép đếm đến 10, giỏi về hình học và đã tính được số Pi bằng 3,16.

- **Về kiến trúc điêu khắc:** xây dựng những công trình kiến trúc, điêu khắc đồ sộ như kim tự tháp, tượng Nhân sư,...

➔ Những thành tựu của nền văn minh Ai Cập cổ đại:

- Nền văn minh Ai Cập thời cổ đại đã để lại cho nhân loại nhiều thành tựu to lớn.
- Là sản phẩm của trí tuệ, của sự lao động sáng tạo và là những đóng góp trực tiếp của cư dân Ai Cập đối với sự phát triển của nhiều lĩnh vực trong nền văn minh thế giới.

b. Thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ thời cổ-trung đại:

- Về chữ viết:

- + Cư dân sớm sáng tạo ra chữ viết, điển hình là chữ Bra-mi, chữ San-krít (Phạn),...

- Về văn học:

- + Đạt được nhiều thành tựu lớn, tiêu biểu là kinh Vô-đa, sử thi (nổi bật là Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-y-a-na), kịch (tiêu biểu là tác phẩm Sơ-cun-tơ-la).

- Kiến trúc:

+ Phổ biến ở Ấn Độ là các công trình đền, chùa, tháp, tượng Phật,...

+ Nghệ thuật thời trung đại nối tiếp nghệ thuật thời cổ đại, nhiều công trình kiến trúc điêu khắc được xây dựng, tiêu biểu là lăng Ta-giơ Ma-han, Pháo đài Đỏ (La Ki-la), đền Kha-giu-ra-hô,...

- Toán học:

+ Người Ấn Độ thời cổ - trung đại sáng tạo ra hệ thống chữ số tự nhiên, trong đó đóng góp lớn nhất là phát minh ra số 0. Họ đã tính được căn bậc 2 và căn bậc 3; đã biết về quan hệ giữa ba cạnh trong một tam giác.

- Tôn giáo:

+ Là nơi ra đời nhiều tôn giáo lớn như Hin-du giáo, Phật giáo, là nơi du nhập và phát triển của Hồi giáo,...

+ Phật giáo được truyền bá mạnh mẽ ra bên ngoài, đặc biệt là Trung Hoa và khu vực Đông Nam Á.

c. Thành tựu tiêu biểu của văn minh Trung Hoa thời cổ-trung đại:

- Về chữ viết:

+ Sáng tạo ra chữ viết của mình từ thời nhà Thương, với nhiều loại hình khác nhau như :Giáp cốt văn, Kim văn, Tiểu triện, Lệ thư, Khải thư, Hành thư,...

+ Có ảnh hưởng đến chữ viết của nhiều nước lân cận như Nhật Bản, Việt Nam...

- Về tư tưởng và tôn giáo:

+ Nho giáo:

- Giữ vai trò quan trọng.
- Người đầu tiên khởi xướng là Khổng Tử.
- Là công cụ phục vụ cho nhà nước, là hệ tư tưởng của chế độ quân chủ ở Trung Hoa, ảnh hưởng tới nhiều nước khác.

+ Đạo giáo:

- Là một trong những tôn giáo lớn của Trung Hoa.
- Đạo giáo thờ “Đạo” và tôn Lão Tử (Thái Thượng Lão Quân) làm giáo chủ.

+ Phật giáo:

- Phát triển, nhiều ngôi chùa lớn được xây dựng.
- Các nhà sư Trung Hoa đã tìm đường sang Ấn Độ để tìm hiểu giáo lí của Phật giáo. Ngược lại, nhiều nhà sư của Ấn Độ cũng đến Trung Hoa để truyền đạo.

- Về sử học:

- + Người đặt nền móng cho nền Sử học Trung Hoa là Tư Mã Thiên.
- + Bộ Sử ký do ông soạn thảo là một tác phẩm nổi tiếng, có giá trị cao về mặt tư liệu và tư tưởng.

- Về văn học:

+ **Thơ Đường:** phản ánh toàn diện bộ mặt xã hội và đã đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật, các nhà thơ tiêu biểu là Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị,...

+ **Tiểu thuyết chương hồi:** đặc biệt phát triển dưới thời Minh, Thanh, tiêu biểu là *Tam quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung, *Thủy hử* của Thi Nại Am, *Tây du kí* của Ngô Thừa An, *Hồng lâu mộng* của Tào Tuyết Cần.

→ Thể hiện trình độ phát triển về tư duy và có ảnh hưởng lớn tới khu vực châu Á.

- **Về kiến trúc, điêu khắc:** tiêu biểu là Vạn Lí Trường Thành, Tử Cấm Thành,...

- Về khoa học kĩ thuật:

+ Kĩ thuật in và làm giấy.

+ Thuốc súng và la bàn.

→ Những thành tựu của văn minh Trung Hoa có ý nghĩa quan trọng, thể hiện trí tuệ và sức lao động sáng tạo của cư dân, đồng thời có những đóng góp to lớn đối với sự phát triển của văn minh nhân loại. Những thành tựu của văn minh Trung Hoa đã lan truyền và ảnh hưởng mạnh mẽ đến các nước lân cận, trong đó có Nhật Bản, Việt Nam.

BÀI 5. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG TÂY THỜI CỔ -TRUNG ĐẠI

Tiết 11,12

.....

1. Thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp- La Mã thời cổ đại

- *Về chữ viết:*

+ Cư dân Hy Lạp đã sáng tạo ra hệ thống chữ viết La- tinh hiện nay và người La Mã đã kế thừa, phát triển thành chữ La-tinh. Đây là nền tảng chữ viết theo hệ chữ La-tinh hiện nay.

+ Chữ viết Hy Lạp và La Mã đơn giản, ngắn gọn, linh hoạt, mang tính khái quát hoá.

- *Về văn học:*

+ Phong phú, nhiều thể loại (sử thi, kịch, thần thoại,...) và đạt nhiều thành tựu lớn.

+ Nổi bật là sử thi I-li-át và Ô-đi-xê của Hô-me.

- *Về triết học:*

+ Chia làm hai trường phái chính: triết học duy vật và triết học duy tâm.

- Triết học duy vật gồm những đại diện tiêu biểu là Ta-lét, Hê-ra-clít,...
- Triết học duy tâm gồm những đại diện tiêu biểu là A-rit-xtôt, Xô-crát, Pờ-la-tông,...

→ Triết học được xem là những thành tựu rực rỡ của văn minh phương Tây, tạo nên cơ sở hình thành của Triết học châu Âu sau này.

- *Về tôn giáo:* Thiên Chúa giáo được lan toả mạnh mẽ và trở thành một trong những tôn giáo lớn trên thế giới.

- *Về lịch pháp và thiên văn học:* Cư dân đã biết làm lịch dựa theo sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.

- *Về khoa học tự nhiên:* Gắn liền với tên tuổi của các nhà khoa học nổi tiếng. Nhiều nhà khoa học đã tìm ra được những định lí, định đề, tiên đề khoa học.

→ Những hiểu biết về khoa học của cư dân Hy Lạp và La Mã được ứng dụng hiệu quả trong cuộc sống, là nền tảng của khoa học hiện đại.

- Về điêu khắc và kiến trúc:

- Nhiều công trình kiến trúc, điêu khắc tinh xảo như đền Pác-tê-nông ở A-ten (Hy Lạp), đấu trường Cô-li-dê ở Rô-ma, tượng lực sĩ ném đĩa, tượng thần Vệ nữ ở Mi-lô,...

+ Đạt tới một trình độ cao, mang tính thực tế, tinh tế và tính dân tộc sâu sắc. Là hình mẫu cho những tác phẩm văn học, nghệ thuật của châu Âu trong các giai đoạn sau, như thời Phục hưng, cận đại, hiện đại.

- Về thể thao, Ô-lim-píc là Đại hội thể thao nổi tiếng ở Hy Lạp cổ đại. Đại hội được tổ chức bốn năm một lần vào mùa hè ở Ô-lim-píc với nhiều môn thi đấu như đi bộ, vật tự do, đua ngựa, ném đĩa, nhảy xa, ma-ra-tông,... Ý nghĩa của Đại hội thể thao Ô-lim-píc là rèn luyện sức khỏe, giải trí, gắn kết. Thể thao Hy Lạp cổ đại đã đặt cơ sở cho nhiều môn thể thao trên thế giới sau này.

→ Thành tựu văn minh Hy Lạp – La Mã thời cổ đại có cống hiến lớn đối với văn minh nhân loại, đồng thời là cơ sở đầu tiên của nền văn minh phương Tây sau này.

2. Thành tựu tiêu biểu của văn minh thời Phục hưng

- Về văn học: có nhiều tác phẩm tiêu biểu như Thần khúc của A. Đan-tê, Đôn Ki-hô-tê của M. Xéc-van-téc,...

- Về triết học:

+ Phê phán triết học duy tâm, lên án chế độ phong kiến, đề cao tri thức, lí trí của con người.

+ Đại diện tiêu biểu là Mi-chen đơ Mông-ten-nhơ (Pháp), Ê-ra-xmơ (Hà Lan), La Rơ-mê (Pháp)...

- Về khoa học: tiêu biểu là Cô-péc-ních, Bru-nô và Ga-li-lê.

- Về nghệ thuật: tiêu biểu là bức họa Nàng Mô-na Li-sa, Bữa ăn tối cuối cùng của Lê-ô-na đờ Vanh-xi; Tượng Đa-vít, Sự sáng tạo A-đam của Mi-ken-lăng-giơ,....

→ Ý nghĩa của các thành tựu văn minh thời Phục hưng:

+ *Lên án, châm biếm Giáo hội Thiên Chúa giáo đương thời, đả kích tầng lớp quý tộc phong kiến.*

+ *Đề cao giá trị con người và quyền tự do cá nhân. Đòi cho con người được tự do hành động, đề cao tình cảm thực, ca ngợi tình yêu tự do.*

+ *Đề cao chủ nghĩa duy vật, khoa học, tiến bộ, coi trọng các ngành khoa học tự nhiên, các phương pháp thực nghiệm và gắn với cuộc sống hiện thực.*

+ *Văn minh thời Phục hưng là 1 bước tiến lớn trong lịch sử văn minh ở Tây Âu .*

+ *Nền văn minh này là cầu nối từ văn hoá phong kiến sang văn hoá tư sản.*

→ *Đó vừa là cơ sở vừa là giai đoạn khởi đầu của văn minh Tây Âu thời cận đại.*

**CHỦ ĐỀ 4: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG
LỊCH SỬ THẾ GIỚI**

BÀI 6: CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI CẬN ĐẠI

(Tiết 14,15,16)

.....

**1. THÀNH TỰU CƠ BẢN CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN
THỨ NHẤT**

1. Thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

Thời gian	Thành tựu
Năm 1784	Giêm Oát nhận bằng sáng chế về máy hơi nước.
Cuối thế kỉ XVIII	Tiêu biểu là các phát minh của Giôn Bác-bơ (1791, người Anh), Tô-mát Mít (1794, người Anh), Giôn Ste-phen (1798, người Mỹ), Sa-mu-en Bờ-rao (1823, người Mỹ). Động cơ đốt trong nhanh chóng thúc đẩy cơ giới hóa sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất lao động.

Năm 1814	G. Xti-phen-xon chế tạo thành công chiếc đầu máy xe lửa.
Đầu thế kỉ XIX	- Tàu thủy, xe lửa đã xuất hiện với đầu máy chạy bằng hơi nước. - Năm 1825, nước Anh khánh thành đoạn đường sắt đầu tiên.

2. Thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai

Lĩnh vực	Tên thành tựu
Kỹ thuật	Kỹ thuật luyện kim được cải tiến, với việc sử dụng lò Bét-xme và lò Mác-tanh. Tuốc bin phát điện được sử dụng để cung cấp điện năng. Thép được sản xuất với số lượng lớn và giá thành hạ nhanh chóng.
Năng lượng	- Năm 1879, Tô-mát Ê-đi-xon phát minh ra bóng đèn điện có khả năng ứng dụng rộng rãi trong thực tế. - Năm 1891, kỹ sư người Nga là Đô-rô-vôn-xki đã chế tạo thành công máy phát điện và động cơ điện xoay chiều. Máy phát điện đã được sử dụng để cung cấp năng lượng cho nhiều nhà máy. - Điện năng, động cơ đốt trong tiếp tục được cải tiến, ứng dụng trong thời kì này.
Nguyên, nhiên liệu	Dầu đi-ê-zen được khai thác để thắp sáng và cung cấp nguồn nhiên liệu mới cho các phương tiện giao thông. - Công nghiệp hoá học ra đời phục vụ ngành nhuộm, phân bón, thuốc nổ, điện lực, in ấn,...
Thông tin liên lạc	Phát minh ra máy điện tín giúp cho việc liên lạc ngày càng xa và nhanh hơn.
	- Phát minh và sản xuất ô tô, máy bay. Chiếc ô tô đầu tiên trên thế giới đã được Các Ben phát minh năm 1886.

Giao thông vận tải	- Năm 1903, hai anh em người Mỹ là Vin-bơ Rai và Oóc-vin Rai chế tạo thành công chiếc máy bay đầu tiên, đánh dấu sự ra đời của ngành hàng không thế giới.
--------------------	---

3. Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hoá

a. Về kinh tế :

- Làm thay đổi diện mạo các nước tư bản, tạo ra nguồn động lực mới, dùng máy móc thay thế sức lao động của con người, khởi đầu quá trình công nghiệp hoá.
- Mở ra khả năng lớn trong việc thúc đẩy sản xuất, sản lượng công nghiệp tăng lên nhanh chóng.
- Đã thay thế lao động tay chân của con người bằng lao động của máy móc , chuyển nền sản xuất thủ công sang cơ khí hoá.
- Góp phần thúc đẩy những chuyển biến mạnh mẽ trong các ngành kinh tế khác.

b. Về văn hoá- xã hội :

+ Về xã hội:

- Các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đã đưa đến sự hình thành và phát triển của nhiều trung tâm công nghiệp mới và thành thị đông dân, điển hình là các thành phố Luân Đôn, Pa-ri, Béc-lin, Niu Y-óoc,...
- Các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai cũng đưa đến sự hình thành hai giai cấp cơ bản của xã hội tư bản là tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp.
- Sự bóc lột của giai cấp tư sản đối với giai cấp vô sản làm xuất hiện mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội tư bản.

+ Về văn hoá :

- Thúc đẩy giao lưu, kết nối văn hoá toàn cầu.
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của con người.

- Hình thành lối sống, tác phong công nghiệp,...